

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1 1								
1	1913111549	Lưu Thanh Bình	N19TPM1	8	7	7			7.0	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
2	1913111551	Nguyễn Thanh Dũng	N19TPM1	8	8	8			8.0	6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
3	1913111556	Ngô Khôn Hiếu	N19TPM1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
4	1913111561	Trương Văn Huy	N19TPM1	9	8	8			8.0	7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
5	1913111564	Lê Quang Khánh	N19TPM1	8	7	7			7.0	7.4	7.3	Bảy phẩy Ba	
6	1913111565	Trương Tùng Linh	N19TPM1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
7	1913111566	Nguyễn Viết Hồng Lĩnh	N19TPM1	7	7.1	7.1			7.1	V	0.0	Không	
8	1913111571	Trần Văn Nghiêm	N19TPM1	10	10	10			10.0	7.8	8.7	Tám phẩy Bảy	
9	1913111577	Lê Văn Phú	N19TPM1	10	8	8			8.0	8.2	8.3	Tám phẩy Ba	
10	1913111580	Phạm Văn Phước	N19TPM1	7	6	6			6.0	6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
11	1913111591	Đỗ Nguyễn Tiến	N19TPM1	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
12	1913111590	Nguyễn Mạnh Tiến	N19TPM1	8	8.4	8.4			8.4	8.0	8.1	Tám phẩy Một	
13	1912111594	Nguyễn Thị Xuân Trang	N19TPM1	10	10	10			10.0	6.4	7.8	Bảy phẩy Tám	
14	1913111595	Huỳnh Kim Trọng	N19TPM1	7	9	9			9.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
15	1913111599	Huỳnh Văn Thanh Tuấn	N19TPM1	7	8.4	8.4			8.4	8.4	8.3	Tám phẩy Ba	
16	1913111600	Lê Trung Tuyển	N19TPM1	8	7.6	7.6			7.6	4.8	0.0	Không	
17	1913111545	Nguyễn Đắc Quốc An	N19TPM2	7	5.8	7.2			6.5	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
18	1913111552	Dũ Văn Dũng	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
19	1913111554	Lê Nguyễn Cao Duy	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
20	1813119358	Ngô Thanh Hải	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
21	1913111555	Phạm Sỹ Hải	N19TPM2	7	7.3	7.3			7.3	5.2	6.0	Sáu	
22	1913111557	Nguyễn Văn Hòa	N19TPM2	8	7	7			7.0	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
23	1913111558	Nguyễn Minh Hoàng	N19TPM2	8	7.1	7.1			7.1	5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
24	1913111563	Nguyễn Văn Huy	N19TPM2	8	7	7			7.0	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
25	1913111567	Ngô Quý Lộc	N19TPM2	7	7.8	7.8			7.8	7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
26	1913111568	Huỳnh Công Long	N19TPM2	2	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
27	1913111570	Trần Hoài Nam	N19TPM2	7	7	7			7.0	5.6	6.2	Sáu phẩy Hai	
28	1813119409	Trần Văn Nhớ	N19TPM2	8	7	7			7.0	6.9	7.0	Bảy	
29	1913111575	Dương Anh Phi	N19TPM2	8	8.9	8.9			8.9	V	0.0	Không	
30	1913111578	Lê Đoàn Minh Phúc	N19TPM2	8	8.5	10			9.3	7.2	7.9	Bảy phẩy Chín	
31	1913111583	Võ Thành Quyền	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
32	1813119433	Ngô Thành Sang	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
33	1913111586	Trần Hưng Nhật Sơn	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
34	1913111585	Trương Xuân Sơn	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
35	1913111587	Trương Hoài Tâm	N19TPM2	7	8.3	8.3			8.3	5.7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
36	1813119447	Phạm Tấn Thanh	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
37	1913111588	Võ Minh Thoại	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
38	1913111593	Nguyễn Đăng Toàn	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
39	1913111597	Nguyễn Thái Trường	N19TPM2	7	6.5	6.5			6.5	5.7	6.1	Sáu phẩy Một	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1913111601	Đỗ Lê Viên	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
41	1913111602	Nguyễn Thành Vinh	N19TPM2	0	0	0			0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
42	1913111606	Huỳnh Ngọc Vỹ	N19TPM2	7	6.3	6.3			6.3	6.7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
1	1912211608	Võ Thị Đường An	N19KDN2	7	6	6			6.0	7.9	7.2	Bảy phẩy Hai	48165

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	24	56%	
2	Số sinh viên nợ	19	44%	
TỔNG CỘNG :		43	100%	

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 01 năm 2015

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

Dương Mai Bảo Liên

ThS. Nguyễn Ân